

Huy động nguồn lực tài chính cho giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam

TS. Nguyễn Thị Thu Hương *

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị tác động mạnh mẽ nhất do biến đổi khí hậu (BDKH), trong vòng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình đã tăng 0,5 độ C; mực nước biển đã dâng khoảng 20 cm. Theo dự báo của các chuyên gia, nếu mực nước biển dâng một mét, sẽ có khoảng 40% diện tích đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích đồng bằng sông Hồng và 3% diện tích các tỉnh, thành phố thuộc vùng ven biển bị ngập, trong đó có khoảng từ 10 đến 12% dân số nước ta bị ảnh hưởng trực tiếp và tổn thất khoảng 10% GDP.

Tính chung, Việt Nam nằm trong số 15 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, sự ảnh hưởng đó đe dọa sự phát triển của đất nước và việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ trong thời gian tới. Bên cạnh đó, với lượng khí thải lên tới trên 200 triệu tấn/năm và có thể tăng gấp 3 lần trong giai đoạn 2010 - 2030, đó chính là thách thức trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

Một số kết quả

Trước tình hình đó, Việt Nam đã có những chính sách tích cực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Đối với quốc tế, chúng ta đã sớm tham gia và phê chuẩn Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto.

Đồng thời, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành các văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu như: Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (NTP-RCC), Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC), Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai và giảm nhẹ

thiên tai đến năm 2020, Chiến lược Tăng trưởng xanh, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và tiếp theo là Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu.

Gần đây nhất, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó đã khẳng định: Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu, là thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại trong thế kỷ 21. Ứng phó với biến đổi khí hậu phải đặt trong mối quan hệ toàn cầu; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Phải tiến hành đồng thời thích ứng và giảm nhẹ, trong đó thích ứng với

biến đổi khí hậu, chủ động phòng tránh thiên tai là trọng tâm. Do vậy để thực hiện các chính sách; chương trình nêu trên thì việc huy động các nguồn lực tài chính để nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu hết sức cần thiết.

Trong những năm qua Việt Nam đã đạt một số kết quả về huy động nguồn lực tài chính để giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu như sau:

Một là, Nhà nước đã có những ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách cho các Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và nghiên cứu khoa học về biến đổi khí hậu. Hàng năm, nguồn đầu tư từ ngân sách cho công tác phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, các chương trình mục tiêu cụ thể như trồng rừng, nâng cấp hệ thống đê điều, hồ chứa nước, phòng chống sạt lở, chung sống

* Học viện Tài chính

với lũ, an toàn cho tàu thuyền... tăng dần. Ngoài ra còn bố trí ngân sách dự trữ một số vật tư thiết yếu để cứu trợ khẩn cấp, nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai.

Hai là, nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ của nước ngoài được ưu tiên huy động để có nguồn lực lớn và tập trung cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Bước đầu hình thành cơ chế huy động nguồn lực hợp tác quốc tế để ứng phó với biến đổi khí hậu như Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) là chương trình cho vay theo phương thức hỗ trợ ngân sách, với Nhật Bản là nhà tài trợ chính và một số nhà tài trợ khác. Chương trình nhằm hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu (NTP-RCC) và Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH, trong đó dành phần lớn cho các dự án của các Bộ, địa phương về ứng phó với biến đổi khí hậu theo tiêu chí lựa chọn dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Kết quả vận động tài trợ thông qua Chương trình NTP-RCC và SP-RCC: Năm 2009, khi mới đi vào hoạt động, Chương trình SP-RCC có 03 nhà tài trợ là Đan Mạch, JICA và AFD, đến nay đã có thêm các nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới (WB), Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Canada (CIDA),

Cơ quan Hỗ trợ phát triển quốc tế Australia (AuSAID), Ngân hàng Eximbank Hàn Quốc (K.Eximbank) với tổng số vốn huy động đến nay khoảng trên 1.000 triệu đô la Mỹ.

Ba là, ngoài nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vay nợ, viện trợ; các Bộ, ngành, địa phương đã huy động các nguồn lực tại chỗ, tranh thủ đóng góp, tham gia của các tổ chức, cá nhân cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và cứu trợ, khắc phục thiên tai.

Bốn là, Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành các cơ chế chính sách thu hút, khuyến khích cho ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, như chính sách và cơ chế tài chính cho dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (theo Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 2/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ); chính sách thuế bảo vệ môi trường; phí và lệ phí, như phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản...

Những hạn chế và thách thức

Một là, tổng chi phí kinh tế cho BĐKH khoảng 2-6% GDP tương đương khoảng 3-9 tỷ đô la Mỹ (ADB 2009) và 1-2,5 tỷ đô la Mỹ được dành cho hoạt động thích ứng.

Hai là, các chính sách về tài chính nhằm huy động nguồn lực

cho nâng cao hiệu quả ứng phó biến đổi khí hậu ở nước ta hiện nay cũng chưa thực sự đầy đủ, đồng bộ, nhất là chưa có cơ chế để khuyến khích, huy động các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu trên cơ sở mang lại lợi ích cho nhà đầu tư và xã hội.

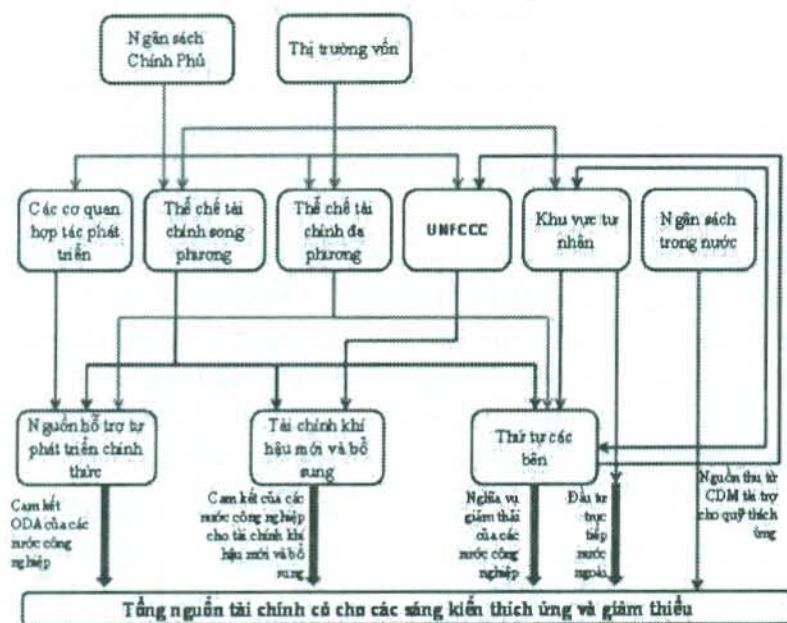
Ba là, hiện Việt Nam đang thiếu các chính sách để huy động các nguồn tài chính từ các quỹ khí hậu quốc tế.

Đề xuất một số giải pháp

Việt Nam là nước đặc biệt dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu, do đó cần tận dụng hỗ trợ của các quỹ hỗ trợ cho biến đổi khí hậu, trong đó có Quỹ Giảm thiểu do GEF tài trợ, Quỹ Thích ứng (AF), Quỹ Đầu tư Khí hậu (CIF), Quỹ công nghệ sạch (CTF), Quỹ khí hậu chiến lược (SCF), các quy tắc tài chính đã được thống nhất cho hoạt động nâng cao trữ lượng cac-bon, bảo tồn, quản lý rừng bền vững (REDD+) (theo kết luận của COP 19), và các hỗ trợ khác tới năm 2020 đề xuất các dự án phù hợp tiếp cận các nguồn vốn này.

Gần đây, WB và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã phối hợp triển khai Diễn đàn CFO (Climate Finance Options) nhằm hỗ trợ các quốc gia và địa phương tiếp cận thông tin tài chính cho biến đổi khí hậu. Đây là công cụ hữu hiệu nhằm tổng hợp, sàng lọc và chia

Các dòng tài chính và đầu tư cho BDKH ở các nước đang phát triển



Nguồn: MPI, UNDP-Huy động nguồn tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu.

sẽ thông tin về các nguồn tài chính có thể huy động cho việc giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việt Nam có thể sử dụng công cụ này để tiếp cận các nguồn tài chính phục vụ cho ứng phó biến đổi khí hậu.

Ngoài ra tăng nguồn huy động tài chính cho biến đổi khí hậu còn thông qua việc lựa chọn công cụ giảm nhẹ, đảm bảo sự trung lập về tài khóa, sự đơn giản và giảm thiểu các chi phí hành chính và sự nhất quán về chính sách; Tạo ra các nguồn tài chính mới cho thích ứng và giảm nhẹ như các loại thuế đánh vào chi phí cacbon; thuế đánh vào phát thải từ hoạt động vận tải; bán đấu giá các đơn vị phát thải được phân bổ, nguồn thu đấu giá trong nước....

Phát hành Trái phiếu "xanh": Trái phiếu "xanh" được định nghĩa như một loại chứng khoán có thu nhập cố định nhằm thu hút vốn cho các dự án có lợi ích về môi trường. Theo đó, các khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu này sẽ được cam kết đầu tư cho các chương trình tăng cường sự thích nghi và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm các dự án năng lượng sạch, sử dụng năng lượng hiệu quả, giao thông công cộng và nước sạch,... Trái phiếu "xanh" có thể được phát hành bởi Chính phủ, các ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, các công ty,...

Đồng thời, cần tăng cường tính tự chủ, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sử

dụng hiệu quả các nguồn vốn đảm bảo có một cơ chế tài chính vững chắc để chủ động trong cuộc chiến ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế bền vững./.

Tài liệu tham khảo:

Báo cáo quốc gia tại Hội nghị cấp cao của Liên Hợp Quốc về Phát triển bền vững (RIO+20). "Thực hiện phát triển bền vững ở Việt Nam". Hà Nội, 05-2012.

Bộ Kế hoạch và đầu tư. Huy động nguồn tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu". Báo cáo nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách huy động và sử dụng vốn ODA và các nguồn tài chính bên ngoài cho ứng phó với Biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Hà Nội tháng 7/2011.

Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 về "phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020".

Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25-9-2012 "phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh".

Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu".